

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 01/2026
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 12/01/2026

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	40	40	-	12,030
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	35,850
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	40	-	21,600
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	-	40,650
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	30	-	9,870
6	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	45,760
7	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	91,950
8	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	50	50	-	64,130
9	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	32,630
10	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	56,550
11	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	26,700
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	261,000
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	57,200
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	19,500
15	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	30	20	10	13,490
16	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	81,000
17	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	50	50	-	45,750
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	66,000
19	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	30	30	-	9,170
20	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
21	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	30	30	-	22,000
22	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	22,830
23	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	80,850
24	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	-	52,800
25	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	36,900
26	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	-	19,280
27	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	50	50	-	33,810
28	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	40	30	10	118,950
29	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	51,680
30	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	114,600
31	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	47,900
32	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	41,850
33	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	-	16,800
34	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
35	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	47,850
36	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	105,300
37	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	-	55,750
38	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	40	50	(10)	96,750
39	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	51,150
40	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	151,480
41	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	-	41,480
42	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	25,620
43	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	25,000
44	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	50	40	10	51,720
45	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	22,750
46	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	-	55,200
47	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	30	-	22,350
48	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	65,400
49	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	50	-	102,750
50	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	-	26,700
51	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
52	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
53	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
54	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	-	12,060
55	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	53,100
56	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	140,850
57	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	106,390
58	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	35,000
59	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	96,000
60	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	50	50	-	80,000
61	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	50	50	-	21,300
62	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
63	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	-	64,840
64	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	40	40	-	15,750
65	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	39,680
66	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	86,250
67	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	-	15,900
68	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	-	30,510
69	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	38,930
70	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	40	-	36,150
71	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	42,300
72	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	100	30	30	-	74,250
73	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	30	30	-	20,780
74	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	100	30	30	-	17,400
75	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	33,130

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
76	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	20	20	-	4,680
77	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	23,850
78	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	20	20	-	13,410
79	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	16,000
80	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	55,800
81	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	30	-	10,310
82	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	40	-	16,350
83	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	74,850
84	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	50,920
85	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	79,200
86	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	45,530
87	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	40	40	-	18,750
88	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	27,900
89	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	16,050
90	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	-	6,450
91	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	52,350
92	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	49,220
93	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	37,050
94	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	38,050
95	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	19,050
96	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	80,000
97	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	109,060
98	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	21,750
99	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	50	-	46,730
100	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	100	30	30	-	27,990
101	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	138,750
102	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	101,400
103	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	17,130
104	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	50	50	-	47,550
105	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	104,700
106	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	36,300
107	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	30	20	10	23,080
108	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	96,000
109	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	18,000
110	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	-	17,460
111	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	-	42,150
112	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	100	50	50	-	32,330
113	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
114	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	35,000
115	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	20,180

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
116	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	35,030
117	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	65,140
118	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	20	30	(10)	7,440
119	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	86,700
120	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	34,860
121	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	-	52,280
122	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	138,750
123	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	18,300
124	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	30,000
125	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	40	10	5,200
126	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	33,050
127	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	7,180
128	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	130,420
129	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	48,450
130	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	27,380
131	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	92,850
132	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	13,800
133	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	74,550
134	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	-	7,000
135	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	42,900
136	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	30	-	37,130
137	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	30	30	-	11,400
138	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	78,300
139	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	15,680
140	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
141	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	31,950
142	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	78,300
143	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	50,000
144	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	243,600
145	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	50	50	-	44,070
146	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
147	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	46,200
148	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	73,500
149	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	40	40	-	34,500
150	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	50	-	39,600
151	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	69,230
152	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	50,400
153	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	40	-	28,200
154	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	-	40,130

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
155	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	50	50	-	57,010
156	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	-	26,850
157	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	76,050
158	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	100	40	40	-	45,830
159	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	-	27,150
160	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	25,280
161	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
162	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	111,450
163	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	-	116,400
164	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	100	50	50	-	8,000
165	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	50	50	-	40,000
166	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	23,330
167	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
168	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	81,310
169	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	40	10	35,780
170	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	52,130
171	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	64,500
172	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	40	40	-	25,650
173	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	60,750
174	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	40	40	-	38,850
175	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	-	81,750
176	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	152,250
177	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	26,400
178	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	40,000
179	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	50	50	-	18,230
180	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
181	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	40	40	-	102,570
182	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	29,780
183	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	95,560
184	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	42,680
185	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	30	50	(20)	66,710
186	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	47,550
187	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	40	-	25,000
188	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	-	46950
189	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	0	0			0
190	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
191	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
192	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
193	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
194	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
195	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
196	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
197	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
198	ADS	Công ty cổ phần Damsan	0	0			0
199	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
200	ALT	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	0	0			0
201	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
202	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
203	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
204	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
205	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
206	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
207	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
208	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
209	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
210	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
211	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0	0			0
212	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
213	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
214	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
215	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
216	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
217	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
218	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
219	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
220	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
221	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
222	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
223	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
224	CAN	CTCP Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
225	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
226	CAR	CTCP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	0	0			0
227	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi	0	0			0
228	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
229	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
230	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
231	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
232	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0
233	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	0	0			0
234	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
235	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
236	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
237	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
238	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
239	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
240	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
241	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
242	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
243	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
244	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
245	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	50	0			0
246	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
247	CST	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	0	0			0
248	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương	0	0			0
249	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
250	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
251	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
252	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
253	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
254	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
255	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
256	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	0	0			0
257	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
258	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
259	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
260	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
261	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
262	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
263	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
264	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
265	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
266	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
267	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
268	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
269	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
270	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	50	0			0
271	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
272	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
273	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
274	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
275	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
276	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
277	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
278	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
279	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
280	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
281	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
282	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
283	EVE	Công ty cổ phần Everpia	0	0			0
284	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
285	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	0	0			0
286	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
287	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
288	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
289	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
290	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
291	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
292	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
293	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
294	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
295	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
296	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	50	0			0
297	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
298	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
299	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
300	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
301	HDA	CTCP Hăng sơn Đông Á	0	0			0
302	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
303	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
304	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
305	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
306	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
307	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
308	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
309	HLĐ	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0
310	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
311	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
312	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	0	0			0
313	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
314	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
315	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
316	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	0	0			0
317	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
318	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
319	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
320	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
321	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
322	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
323	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
324	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
325	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
326	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
327	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
328	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
329	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
330	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
331	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
332	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0	0			0
333	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	0	0			0
334	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
335	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
336	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	50	0			0
337	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
338	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
339	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
340	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
341	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
342	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
343	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
344	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
345	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
346	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
347	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
348	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	0	0			0
349	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
350	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
351	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
352	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
353	LCD	ctcp Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	0	0			0
354	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
355	LGL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0	0			0
356	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
357	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	0	0			0
358	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
359	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
360	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
361	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
362	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
363	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
364	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0
365	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
366	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
367	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
368	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
369	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
370	MIC	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	0	0			0
371	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	0	0			0
372	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
373	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
374	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
375	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
376	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
377	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
378	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
379	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
380	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
381	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
382	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
383	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
384	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0	0			0
385	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
386	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
387	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
388	NOI	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	0	0			0
389	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
390	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
391	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
392	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
393	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
394	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
395	ORS	Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông	50	0			0
396	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
397	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
398	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	0	0			0
399	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
400	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
401	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
402	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
403	PGV	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	0	0			0
404	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
405	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
406	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
407	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
408	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
409	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	50	0			0
410	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
411	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
412	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
413	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
414	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
415	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
416	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
417	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
418	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
419	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
420	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
421	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
422	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
423	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50	0			0
424	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
425	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
426	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	0	0			0
427	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
428	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
429	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
430	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
431	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	0	0			0
432	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
433	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
434	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
435	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
436	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
437	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
438	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
439	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	50	0			0
440	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
441	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
442	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
443	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
444	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
445	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
446	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
447	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
448	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
449	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
450	SDG	Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	0	0			0
451	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
452	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
453	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
454	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
455	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
456	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
457	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
458	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
459	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
460	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
461	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
462	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
463	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
464	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
465	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
466	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
467	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
468	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	0	0			0
469	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
470	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
471	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
472	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
473	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
474	SSC	Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam	0	0			0
475	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	0	0			0
476	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
477	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
478	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	0	0			0
479	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
480	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
481	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
482	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
483	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
484	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
485	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
486	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	50	0			0
487	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
488	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
489	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
490	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	50	0			0
491	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
492	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
493	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
494	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
495	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
496	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
497	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
498	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
499	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
500	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
501	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
502	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
503	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
504	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
505	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
506	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
507	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
508	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
509	TN1	Cô phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
510	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
511	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
512	TPC	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	0	0			0
513	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
514	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
515	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
516	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
517	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
518	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
519	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	0	0			0
520	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	0	0			0
521	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
522	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
523	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
524	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
525	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
526	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
527	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
528	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
529	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
530	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
531	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
532	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
533	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
534	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
535	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
536	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
537	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
538	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
539	VGP	CTCP Càng rau quả	0	0			0
540	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 01/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T12/2025 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T12/2025	Thay đổi	
541	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
542	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
543	VIT	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN	0	0			0
544	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
545	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
546	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
547	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
548	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
549	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
550	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
551	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
552	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
553	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
554	VPL	Công ty cổ phần Vinpearl	50	0			0
555	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
556	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
557	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
558	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
559	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
560	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
561	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
562	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
563	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
564	WSS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	0	0			0
565	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0
566	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
567	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0